

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2017/DSST**
Ngày: 11-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Bà: Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2017/TLST – DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thanh Th, sinh năm: 1968 (*có mặt*)

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Võ Văn Ph, sinh năm: 1965 (*có mặt*)

Trú tại: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1961 (*có mặt*)

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

2/ Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1972 (*vắng mặt*)

Trú tại: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

3/ Chị Võ Thị Ái V, sinh năm: 2000 (*vắng mặt*)

Trú tại: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-5-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Dương Thanh Th trình bày: Ngày 06-02-2016 bà cho ông Võ Văn Ph vay số tiền là 100.000.000đ. Ngày 02-5-2016 (âm lịch) bà cho ông Võ Văn Ph vay tiếp số tiền là 200.000.000đ. Hai lần vay tiền có làm giấy tờ biên nhận, ông Ph có ký nhận. Ông Ph hẹn đến tháng 10 năm 2016 sẽ trả cả gốc và lãi. Khi vay tiền thì các bên có thỏa thuận lãi là 15%/ tháng, thỏa thuận miệng không làm giấy tờ. Nguồn tiền bà cho ông Ph vay là tài sản chung của hai vợ chồng bà. Sau đó, khoảng tháng 10 năm 2016 (không nhớ thời gian cụ thể) bà Bùi Thị M là vợ của ông Ph có trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ. Ngày 01-02-2017 chị Võ Thị Ái V là con gái của ông Ph trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000đ, ngày 20-02-2017 ông Ph trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000đ và ngày 20-7-2017 ông Ph trả cho bà 10.000.000đ tiền gốc. Các lần trả tiền có làm giấy tờ. Đối với tiền lãi thì ông Ph đã trả đầy đủ và bà không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi ông Ph đã trả cho bà. Đến nay, ông Ph còn nợ lại số tiền là 190.000.000đ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông Ph và bà M trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 190.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01-10-2016 cho đến nay với lãi suất 0,7%/ tháng tương đương với số tiền 13.500.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Võ Văn Ph trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th. Số tiền ông Ph vay là để làm ăn và tiêu dùng trong gia đình. Việc vay tiền của ông Ph thì vợ ông là bà Bùi Thị M có biết và đồng ý việc vay tiền này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, vợ chồng ông đồng ý trả tiền gốc là 190.000.000đ và tiền lãi 13.500.000đ. Đối với việc khởi kiện của bà Th, ông có thông báo cho bà M biết, bà M đồng ý trả tiền cho bà Th nhưng do bận công việc nên bà M không thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ án. Đối với số tiền lãi vợ chồng ông đã trả cho bà Th không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T trình bày: Ông là chồng của bà Dương Thanh Th. Việc bà Th cho ông Ph vay tiền ông có biết và đồng ý cho vay. Ông thống nhất với lời khai và yêu cầu khởi kiện của bà Th và không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ph và bà M trả cho bà Th ông T số tiền gốc 190.000.000đ và tiền lãi là 13.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị M và chị Võ Thị Ái V (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị M và chị Võ Thị Ái V.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thanh Th yêu cầu ông Võ Văn Ph và bà Bùi Thị M trả số tiền vay 190.000.000đ:

Ông Ph xác nhận ông có vay của bà Th ông T hai lần với tổng số tiền 300.000.000đ. Sau đó, ông đã nhiều lần trả tiền gốc cho bà Th ông T với tổng số tiền là 110.000.000đ. Hiện nay, ông còn nợ lại bà Th ông T số tiền là 190.000.000đ. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc ông Ph vay tiền của bà Th ông T là có thật.

Ông Ph và bà Th, ông T thừa nhận các bên thỏa thuận đến ngày 01-10-2016 ông Ph sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hạn trả tiền ông Ph trả 110.000.000đ, còn nợ lại 190.000.000đ. Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..”. Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc trả số tiền vay 190.000.000đ là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 01-10-2016 cho đến nay với lãi suất 0,7%/ tháng: Tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ” và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Điều 1 của Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 quy định: “Mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm”. Như vậy, lãi suất mà bà Th ông T yêu cầu là 0,7%/ tháng tính từ ngày 01-10-2016 đối với số tiền vay 190.000.000đ tương đương với số tiền là 13.500.000đ là phù hợp với quy định. Mặt khác, ông Ph đồng ý trả tiền lãi là 13.500.000đ cho bà Th ông T nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Th ông T

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-6-2017 (bút lục số 16) và tại phiên tòa, ông Ph đều thừa nhận: Khi vay tiền thì ông Ph là người trực tiếp vay và ký nhận giấy tờ biên nhận. Mục đích vay tiền là để làm ăn và chi phí sinh hoạt trong gia đình và việc vay tiền này vợ ông là bà Bùi Thị M có biết, đồng ý việc vay và trả tiền. Lời khai của ông Ph phù hợp với nội dung giấy biên nhận “M trả trước 50.000.000đ” (bút lục số 02) và lời khai của ông Ph, bà Th về việc bà M có trả tiền cho bà Th số tiền là 50.000.000đ. Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc ông Ph và bà M chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc 190.000.000đ và tiền lãi là 13.500.000đ cho ông T và bà Th.

[5] Đối với số tiền lãi ông Ph bà M đã trả cho bà Th: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M và chị Võ Thị Ái V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định.

[8] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn ông Võ Văn Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M liên đới trả cho nguyên đơn bà Dương Thanh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T số tiền vay là 190.000.000đ và tiền lãi 13.500.000đ. Tổng cộng là 203.500.000đ.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Võ Văn Ph phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.175.000đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Dương Thanh Th số tiền tạm ứng án phí là 5.210.000đồng theo biên lai thu tiền số 0021312 ngày 05 tháng 6 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-8-2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh